

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 129/2003/NĐ-CP ngày 03/11/2003 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa IX, kỳ họp thứ 3 (từ ngày 03 tháng 5 đến ngày 17 tháng 6 năm 2003) về việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

1. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức đối với:

a) Hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp (kể cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất);

b) Hộ gia đình, cá nhân là xã viên Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhận đất giao khoán ổn định của Hợp tác xã để sản xuất nông nghiệp;

c) Hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên nhận đất giao khoán ổn định của Nông trường, Lâm trường để sản xuất nông nghiệp;

d) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có quyền sử dụng đất nông nghiệp góp ruộng đất của mình để thành lập Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã.

Hạn mức đất sản xuất nông nghiệp của từng loại đất, từng vùng để tính miễn thuế cho các đối tượng quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở các xã đặc biệt khó khăn.

Xã đặc biệt khó khăn là các xã đã được xác định cụ thể trong Chương trình phát

triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Chuẩn hộ nghèo trong phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Đối tượng được giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp

Giảm 50% số thuế sử dụng đất nông nghiệp ghi thu hàng năm đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của các đối tượng không thuộc diện được miễn thuế quy định tại Điều 1 Nghị định này gồm:

1. Các tổ chức kinh tế; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang và các đơn vị hành chính, sự nghiệp đang quản lý sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp (kể cả diện tích đất sản xuất nông nghiệp của các tổ chức đang quản lý nhưng giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp).

2. Hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện được Nhà nước giao đất sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng có đất do được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển nhượng quyền sử

dụng đất, đất khai hoang phục hóa để sản xuất nông nghiệp.

3. Hộ nông dân, hộ xã viên Hợp tác xã, hộ nông, lâm trường viên nhận đất giao khoán ổn định của Hợp tác xã, của Nông trường, Lâm trường để sản xuất nông nghiệp và hộ sản xuất nông nghiệp khác có diện tích đất sản xuất nông nghiệp vượt hạn mức.

Điều 3. Thời hạn miễn, giảm thuế

Việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp cho các đối tượng quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị định này được thực hiện từ năm thuế 2003 đến năm thuế 2010.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI